

Số: 1636 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 24 tháng 8 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, Trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 3279/QĐ-BNN-VP ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi, trồng trọt, Thú y, Nông nghiệp, Thủy sản, Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 366/TTr-SNN ngày 06/8/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại các Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/02/2017, Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/3/2019, Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019, Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 31/7/2020, Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 30/10/2020, Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 (kèm theo Danh mục).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ, liên thông và điện tử thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết đối với thủ tục hành chính được nêu tại khoản 1 Điều này (kèm theo Quy trình).

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và các Quy trình đã được công bố, phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định. Hoàn thành xong trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng CCHC (vlinh06/2021);
- Lưu: VT. Lai(207).



**Lê Văn Sĩ**



**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT,**  
**CHĂN NUÔI, TRỒNG TRỌT, THÚ Y, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU**

*(Kèm theo Quyết định số: 1636 /QĐ-UBND ngày 24 /8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*

**\* CÁCH THỨC THỰC HIỆN**

**1. Đối với cấp tỉnh:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, địa chỉ website <https://dangky.dichvucong.gov.vn/register> hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh> (nếu đủ điều kiện theo quy định).


**2. Đối với cấp huyện:** Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích, nộp trực tuyến Cổng Dịch vụ công quốc gia theo địa chỉ website <https://dangky.dichvucong.gov.vn/register>, Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau theo địa chỉ website <http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh>, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn> (nếu đủ điều kiện theo quy định).

**3. Thời gian tiếp nhận:**

- Vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:
- + Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.
- + Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH**

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
<b>LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT</b>									
1.	1.004493.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh) <i>(Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)</i>	<i>Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)</i>	Trong thời hạn 05 ngày làm việc.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau. - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	600.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<i>Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004493” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
2.	1.004509.0 00.00.00.H 12	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật <i>(Quyết định</i>	<i>Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật</i>	Trong thời hạn 02 ngày làm việc.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau.	Không	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/02/2015 của Chính phủ;	<i>Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích


Số TT	Số hồ sơ TTHC	 Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		số 316/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)			- Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		hợp theo mã hồ sơ “1.004509” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
3.	1.003984.000.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật (Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trong thời hạn 24 giờ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Mục III, Biểu phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Thông tư số 35/2015/TT-BNNPTNT ngày 14/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003984” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
4.	1.004363.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/3/2019)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	- Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 07/21 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33,3%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	800.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính .	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004363" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
5.	1.004346.0 00.00.00.H 12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện	- Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 07/21 ngày, tỷ lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	800.000 đồng/lần	- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật năm 2013; - Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016	Thông tư số 33/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết


Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		vệ thực vật (Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 28/3/2019)	buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	cắt giảm 33,3%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004346" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
<b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y</b>									
6.	1.005327.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%).	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.005327"

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)		cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	địch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thâm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
7.	2.002132.000.00.00.H12	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều	Cấp, cấp lại Giấy chứng	- Trong thời hạn 15 ngày làm việc đối	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp:	* Cấp mới, cấp lại Giấy chứng nhận DKVSTY	- Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại




Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh) (Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 22/02/2017)	<i>nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)</i>	với trường hợp cấp, cấp lại do giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y hết hạn. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc đổi với trường hợp Giấy chứng nhận VSTY bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận VSTY.	Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<i>do giấy chứng nhận cũ hết hiệu lực: - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; kho lạnh bảo quản động vật, sản phẩm động vật tươi sống, sơ chế, chế biến; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; chợ chuyên kinh</i>	trường Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.002132” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						<p>doanh động vật;  cơ sở xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật;  cơ sở phẫu thuật động vật;  cơ sở sản xuất nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc động vật và các sản phẩm động vật khác không sử dụng làm thực phẩm:  1.000.000 đồng/lần  - Phí Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; chợ kinh</p>			

Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						<i>doanh động vật nhỏ lẻ; cơ sở thu gom động vật: 450.000 đồng/lần * Trường hợp Giấy chứng nhận VSTY vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận: Không thu phí</i>			
8.	1.005319.00.00.00.H12	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi	<i>Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư</i>	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/3 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33,33%).	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi	<i>Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần</i>	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài	<i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.005319"

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>hòng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).</i>		cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.		chính.		trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
9.	1.004022.000.00.00.H12	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.</i>	Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%).	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<i>Phí thẩm định nội dung thông tin quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thú y sản, trang thiết bị, dụng cụ trong thú y: 900.000 đồng/lần</i>	- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.004022” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT	 <p>Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung Số hồ sơ TTHC</p>	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú	
10.	1.003810.00.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh trên cạn	<p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (cắt giảm 02/07 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28,57%) với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng</p> <p>- Trong thời hạn 13 ngày làm việc (cắt giảm 04/17 ngày, tỷ lệ cắt giảm 23,54%) với trường hợp chưa được</p>	<p>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau</p> <p>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần</p> <p>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban</p>	<p>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.003810" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
				đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của giấy chứng nhận		<i>hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</i>			
11.	1.003781.000.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh) (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh)</i>	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%)	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	- <i>Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực</i>	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- <i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i> - <i>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.003781" trên Công Dịch vụ công quốc gia


Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
					thôn.	<i>hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần</i> <i>- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</i>			
12.	1.003619.0 00.00.00.H 12	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy	Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i></li> <li>- <i>Thông tư số 283/2016/TT-</i></li> </ul>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		sở phải đánh giá lại (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	sản) đổi với cơ sở phải đánh giá lại		Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	trưởng Bộ Tài chính.	BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	“1.003619” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
13.	1.003612.000.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an	Cấp lại Giấy chứng	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp:	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại




Số TT	 Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú	
		toàn dịch bệnh động vật thủy sản (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản</i>	(cắt giảm 02/7 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28,57%) với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng. - Trong thời hạn 13 ngày làm việc (cắt giảm 04/17 ngày, tỷ lệ cắt giảm 23,54%) với trường hợp còn lại.	Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	<i>chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần</i> - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-	trường Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003612” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						BTC ngày 14/11/2016			
14.	1.003589.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019).	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%).	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác:	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.003589" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	 Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú	
					<i>Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</i>				
15.	1.003577.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.003577” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
						(bao gồm cả thủy sản): 300.000 đồng/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016			
16.	2.001064.000.00.00.H12	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng,	- Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/5 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%) đối với trường hợp cấp mới; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y: 50.000 đồng/lần	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001064" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)</i>	01/3 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33,33%) trong trường hợp gia hạn.					
17.	1.002338.0 00.00.00.H 12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra	<i>Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn</i>	Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch; - Trong thời	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và	- <i>Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y</i> - <i>Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số</i>	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số	- <i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i> - <i>Thông tư số 283/2016/TT-</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		khôi địa bàn cấp tỉnh (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</i>	hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/3 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33,33%) kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.	Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016	35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<i>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	“1.002338” trên Công Dịch vụ công quốc gia
18.	1.002239.000.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy</i>	Trong thời hạn 10 ngày làm việc (cắt giảm 03/13 ngày, tỷ lệ cắt giảm 23,08%).	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi	<i>Thẩm định cơ sở chăn nuôi, cơ sở chăn nuôi cấp xã, cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống là cơ sở an toàn dịch</i>	- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;	- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.002239”


Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<p>chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)</p>	<p>sản) đổi với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi</p>		<p>cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>	<p>bệnh (do cơ quan quản lý thú y địa phương thực hiện); Thẩm định chương trình giám sát dịch bệnh động vật để được miễn kiểm dịch (bao gồm cả thủy sản); 300.000đ/lần - Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</p>	<p>- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>	<p>trên Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
			<i>được chứng nhận</i>						
19.	2.000873.0 00.00.00.H 12	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh (Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)	<i>Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh</i>	+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, + Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/3 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33,33%) kể từ khi bắt đầu kiểm dịch	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- <i>Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y</i> - <i>Các chi tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.</i>	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- <i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</i> - <i>Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.000873" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
20.	1.001686.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	<i>Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán</i>	Trong thời hạn 06 ngày làm việc (cắt giảm 02/8 ngày,	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	<i>Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản:</i>	- Luật Thú y năm 2015; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;	<i>Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết




Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		<i>(Quyết định số 1203/QĐ-UBND ngày 23/7/2019)</i>	<i>thuốc thú y.</i>	tỷ lệ cắt giảm 25%).	Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	230.000đ/lần	- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<i>Bộ Tài chính.</i>	nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.001686” trên Công Dịch vụ công quốc gia
21.	1.001094.000.00.00.H12	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản	<i>Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động</i>	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và	<i>- Phí kiểm dịch: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y - Các chỉ tiêu kiểm tra: Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016</i>	- Luật Thú y năm 2015; - Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày	<i>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “1.001094” trên Công Dịch vụ

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		tham gia hội chợ, triển lãm (Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 31/7/2020)	<i>vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm</i>	33%), kể từ khi bắt đầu kiểm dịch.	Phát triển nông thôn.		14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		công quốc gia
22.	1.008129.000.00.00.H12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 31/5/202)	<i>Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn</i>	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/5 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- <i>Thẩm định để cấp lại: 250.000 đồng/cơ sở/lần</i> - <i>Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần</i>	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BCT ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.	<i>Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.008129" trên Công Dịch vụ công quốc gia

Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
23.	1.008126.00.00.00.H12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 31/5/202)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	- <i>Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế):</i> 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần - <i>Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế):</i> 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần - <i>Thẩm định đánh giá giám</i>	- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. - Thông tư số 24/2021/TT-BCT ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.008126" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	<i>Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung</i>	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	<i>Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung</i>	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	<i>Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung</i>	Ghi chú
				xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 02/10 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		<i>sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần</i>			

Số TT		Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
24.	1.008128.0 00.00.00.H 12	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn (Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 31/5/202)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn:</i> 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần</li> <li>- <i>Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn:</i> 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</li> <li>- Thông tư số 24/2021/TT-BCT ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.</li> </ul>	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.008128" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
25.	1.008127.0 00.00.00.H 12	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Trong thời hạn 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/5 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><i>Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế):</i> 250.000 đồng/01 cơ sở/lần</li> <li>- <i>Thẩm định</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018.</li> <li>- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ Hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.</li> </ul>	Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
		theo đặt hàng (Quyết định số 1036/QĐ-UBND ngày 31/5/202)	thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Quyết định: Chi cục Chăn nuôi và Thú y thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần	- Thông tư số 24/2021/TT-BCT ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi.		mã hồ sơ "1.008127" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN</b>									
26.	2.001838.00.00.00.H12	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ (Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 24/02/2017	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Trong thời hạn 01 ngày làm việc	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng nông sản và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Không có	Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001838" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
27.	2.001241.000.00.00.H12	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vó (Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 24/02/2017)	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vó	Trong thời hạn 01 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh Cà Mau;</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Quản lý chất lượng nông sản và Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</li> </ul>	Không có	Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001241" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN**

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	Tên thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có) sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý được sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
1	3.000154.000.00.00.H12	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan (Quyết định số 2084/QĐ-UBND ngày 30/10/2020)	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan.	- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; - Cơ quan, đơn vị thực hiện và Quyết định: Chi cục Hải quan	20.000 đồng/tờ khai	Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ.	Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "3.000154" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

**Tổng số danh mục có 27 thủ tục hành chính cấp tỉnh, 01 thủ tục hành chính cấp huyện./.**



**DANH MỤC**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT, CHĂN NUÔI, TRỒNG TRỌT, THÚ Y, NÔNG NGHIỆP, THỦY SẢN, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN, LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH, TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, 4 VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CẤP HUYỆN**




(Kèm theo Quyết định số: 1636 /QĐ-UBND ngày 24 /8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**A. CẤP TỈNH**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính					
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến	
		Có	Không	Có	Không	Mức độ 3	Mức độ 4
*	<b>Lĩnh vực Bảo vệ thực vật</b>	27	0	27	0	11	16
1.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	X		X			X
2.	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	X		X			X
3.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	X		X		X	
4.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X		X		X	
*	<b>Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y</b>						
6.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi)	X		X			X

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính					
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến	
		Có	Không	Có	Không	Mức độ 3	Mức độ 4
	trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)						
7.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	X		X			X
8.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	X		X			X
9.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	X		X		X	
10.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	X		X			X
11.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh)	X		X			X
12.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	X		X			X
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	X		X			X
14.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	X		X			X
15.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	X		X			X
16.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	X		X			X
17.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	X		X		X	

Số TT	 <b>Tên thủ tục hành chính</b>	Thủ tục hành chính					
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến	
		Có	Không	Có	Không	Mức độ 3	Mức độ 4
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	X		X			X
19.	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	X		X		X	
20.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X		X		X	
21.	Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	X		X			X
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X		X		X	
23.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	X		X		X	
24.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X		X		X	
25.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	X		X		X	
*	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản</b>						
26.	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vó	X		X			X
27.	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc	X		X			X

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính					
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến	
		Có	Không	Có	Không	Mức độ 3	Mức độ 4
	Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò						

### B. CẤP HUYỆN

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính					
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện		Tiếp nhận, giải quyết TTHC Trực tuyến	
		Có	Không	Có	Không	Mức độ 3	Mức độ 4
*	Lĩnh vực Lâm nghiệp	01	0	01	0	0	01
1	Xác nhận bảng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan	X		X			X

**Tổng số danh mục có 27 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 01 thủ tục hành chính cấp huyện./.**

## QUY TRÌNH

### NỘI BỘ, LIÊN THÔNG VÀ ĐIỆN TỬ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG GIẢI QUYẾT ĐỐI VỚI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số: 1636 /QĐ-UBND ngày 24/8/2021  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



#### I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

##### 1. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo phê duyệt, cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật: 4,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết TTHC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

##### 2. Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, thẩm định, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật: 1,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

##### 3. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 24 giờ

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) để xử lý hồ sơ: 01 giờ làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định (*Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì yêu cầu chủ vật thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ*). Căn cứ kết quả kiểm tra, thẩm định hồ sơ, thông báo địa điểm, bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể. Chuyên viên kiểm tra hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa: 22 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với lô vật thể không bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ (*Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật hoặc trường hợp không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa thì phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể biết*).

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết TTHC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 01 giờ làm việc.

#### **4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật**

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 7/21 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ báo cáo Lãnh đạo quyết định thành lập đoàn đánh giá và đánh giá thực tế tại cơ sở. Hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cho tổ chức, cá nhân: 13,5 ngày làm việc.

*(Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày làm việc (cắt giảm 24/84 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 28,5%). Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu lý do).*



Bước 5. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết TTHC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật\***

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày làm việc (cắt giảm 7/21 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), khi đầy đủ hồ sơ báo cáo Lãnh đạo quyết định thành lập đoàn đánh giá và đánh giá thực tế tại cơ sở (*trường hợp cơ sở đã được kiểm tra đánh giá xếp loại A thì không thành lập đoàn đánh giá và không đánh giá thực tế tại cơ sở*). Hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cho tổ chức, cá nhân: 13,5 ngày làm việc.

*(Trường hợp chưa đạt yêu cầu, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt và yêu cầu tổ chức, cá nhân khắc phục trong vòng 60 ngày làm việc (cắt giảm 24/84 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 28,5%). Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trả lời bằng văn bản và nêu lý do).*

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**Các thủ tục 6. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống); 7. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (cấp tỉnh); 8. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận; 9. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận**

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 16 ngày làm việc (cắt giảm 04/20 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ (trường hợp hồ sơ chưa đáp ứng được quy định, thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ), hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp*): 15,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

### **10. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)**

a) Thời gian giải quyết:

+ Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y*).

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y*).

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Đối với cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y:

Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện vệ sinh thú y tại cơ sở, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt, cấp Giấy chứng nhận vệ sinh thú y (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp và hẹn lịch kiểm tra lại*): 14,5 ngày làm việc.

+ Đối với cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y:

Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận vệ sinh thú y (*trường hợp bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận vệ sinh thú y*), tiến hành thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y cho tổ chức, cá nhân (*trường hợp không cấp lại Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 4,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.





**11. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)**

a) **Thời gian giải quyết:** 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y cho tổ chức, cá nhân (*trường hợp không cấp lại Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 1,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**12. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y**

a) **Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**b) Quy trình giải quyết:**

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 11,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi sổ, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**Các thủ tục 13. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn; 14. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản**

a) **Thời gian giải quyết:**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc (cắt giảm 02/07 ngày, tỷ lệ cắt giảm 28,6%): với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng.

- Trong thời hạn 13 ngày làm việc (cắt giảm 04/17 ngày, tỷ lệ cắt giảm 23,54%): với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định

kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2:

+ Đối với trường hợp đã được đánh giá định kỳ mà thời gian đánh giá chưa quá 12 tháng: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 4,5 ngày làm việc.

+ Đối với trường hợp chưa được đánh giá định kỳ hoặc được đánh giá định kỳ nhưng thời gian đánh giá quá 12 tháng tính đến ngày hết hiệu lực của Giấy chứng nhận: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 12,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

### **15. Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại**

a) Thời gian giải quyết: 12 ngày làm việc (cắt giảm 03/15 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo Chi cục thẩm định, phê duyệt cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 11,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

### **16. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y đối với các loại hình hành nghề (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)**



a) Thời gian giải quyết:

- + Đối với Cấp chứng chỉ hành nghề thú y: 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- + Đối với Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y: 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 33,33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2:

+ Đối với cơ Cấp chứng chỉ hành nghề thú y: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Chứng chỉ hành nghề thú y (*trường hợp không cấp Giấy được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 3,5 ngày làm việc.

+ Đối với Gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt việc gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (*trường hợp không gia hạn được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 1,5 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

### **17. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

a) Thời gian giải quyết:

- Trường hợp 1: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch (*Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y*).

- Trường hợp 2: Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 33,33%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Đối với động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở thu gom, kinh doanh; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chăn nuôi chưa được giám sát dịch bệnh động vật; Động vật chưa được phòng bệnh theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật thú y hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc-xin nhưng không còn miễn dịch bảo hộ; Động vật, sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở chưa được công nhận an toàn dịch bệnh động vật; Sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở sơ chế, chế biến sản*

*phẩm động vật chưa được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y hoặc khi có yêu cầu của chủ hàng).*

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tình hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2:

+ Trường hợp 1: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ trình Lãnh đạo phê duyệt, cấp Chứng nhận kiểm dịch: 0,5 ngày làm việc.

+ Trường hợp 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, thực hiện kiểm tra, thẩm định hồ sơ, thông báo thời gian và địa điểm kiểm dịch, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (*kéo dài hơn 02 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch được phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 02 ngày làm việc.

- Bước 3. Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tình trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**18. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận**

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc (cắt giảm 03/13 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 23 %), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tình hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 9,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tình trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**19. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh**

a) Thời gian giải quyết:



- Trường hợp 1: Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y: Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 01/04 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 25%), kể từ khi thông báo về địa điểm, thời gian kiểm dịch và bắt đầu kiểm dịch.

- Trường hợp 2: Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2.

\* Trường hợp 1: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch, tiến hành kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cho tổ chức, cá nhân (*trường hợp kéo dài hơn 02 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 2,5 ngày làm việc.

\* Trường hợp 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cho tổ chức, cá nhân: 0,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

## **20. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y**

a) Thời gian giải quyết: 06 ngày làm việc (cắt giảm 02/08 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 25%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tiến hành kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, hoàn thiện hồ sơ, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (*trường hợp không cấp Giấy phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 5,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**21. Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm**

a) Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 03 ngày làm việc (cắt giảm 01/04 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 25%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, hoàn thiện hồ sơ, thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch, tiến hành kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch cho tổ chức, cá nhân (*trường hợp kéo dài hơn 02 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 2,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh tra kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**22. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn**

a) Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo phê duyệt cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 3,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tinh tra kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**23. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

a) Thời gian giải quyết:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc*).



- Trong thời hạn 08 ngày làm việc (cắt giảm 02/10 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng*).

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2:

+ Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, thì yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung*), hoàn thiện hồ sơ, thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, đủ điều kiện trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 19,5 ngày làm việc.

+ Đối với cơ sở sản xuất (*sản xuất, sơ chế, chế biến*) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ nếu đạt yêu cầu, hoàn thiện hồ sơ và trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (*trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 7,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyên hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

#### **24. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn**

a) Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc (cắt giảm 05/25 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ (*trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Chi cục Chăn nuôi và Thú y yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ*), hoàn thiện hồ sơ, thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, đủ điều kiện trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 19,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**25. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng**

a) Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc (cắt giảm 01/05 ngày làm việc, tỷ lệ cắt giảm 20%), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Chăn nuôi và Thú y*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và trình Lãnh đạo cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (*trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 3,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết TTHC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**26. Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ**

a) Thời gian giải quyết: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Thủy sản*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Thủy sản tiếp nhận, kiểm soát xem xét tính hợp lệ của Phiếu kiểm soát thu hoạch. Nếu hợp lệ thì trình Lãnh đạo phê duyệt cấp đổi sang Giấy chứng nhận xuất xứ (*nếu không hợp lệ thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do*): 0,5 ngày làm việc.

- Bước 3: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết TTHC trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

**27. Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ**

a) Thời gian giải quyết: Ngay sau khi thực hiện kiểm soát tại hiện trường

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Chuyên viên trực tại Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh hướng dẫn, kiểm tra; tiếp nhận hồ sơ và xuất phiếu hẹn cho tổ chức, cá nhân





nhân, tạo hồ sơ điện tử gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Thủy sản*) để xử lý hồ sơ: 0,25 ngày làm việc.

- Bước 2: Chuyên viên Chi cục Thủy sản tiếp nhận phiếu đăng ký thu hoạch, ghi thông tin vào sổ đăng ký thu hoạch và lập kế hoạch tổ chức kiểm soát thu hoạch tại hiện trường, hoàn thiện các thủ tục, trình Lãnh đạo phê duyệt cấp Giấy chứng nhận xuất xứ (*trong trường hợp đại diện Chi cục chưa ký tên và chưa đóng dấu trên Giấy chứng nhận xuất xứ tại hiện trường thì sẽ cấp Phiếu kiểm soát thu hoạch*): Ngay sau khi nhận được đăng ký của cơ sở thu hoạch.

- Bước 4: Văn thư ghi số, lưu hồ sơ, scan kết quả giải quyết đính kèm lên hệ thống; chuyển hồ sơ, kết quả giải quyết về Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh trả kết quả cho tổ chức, cá nhân: 0,25 ngày làm việc.

## II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

### 1. Xác nhận bằng kê gỗ nhập khẩu khi thực hiện thủ tục Hải quan

a) Thời gian giải quyết: Ngay sau khi hoàn thành thủ tục thông quan Trong đó:

+ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hoá chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hoá cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hoá thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hoá được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

+ Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hoá, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày.

b) Quy trình giải quyết:

- Bước 1: Thực hiện theo thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25/12/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới/thủ tục hành chính thay thế/thủ tục hành chính bãi bỏ/thủ tục hành chính giữ nguyên trong lĩnh vực Hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính (Mã hồ sơ thủ tục hành chính số 1.006440 được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia).

Chi cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức và xác nhận trực tiếp trên Bảng kê gỗ nhập khẩu hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ nhập khẩu.

- Bước 2: Sau khi hoàn thành thủ tục thông quan, cơ quan Hải quan cửa khẩu nơi thông quan xác nhận nội dung chủ gỗ đã kê khai.

*Lưu ý: Để đảm bảo việc trả kết quả cho tổ chức, cá nhân theo phiếu hẹn, đơn vị có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên thông/không liên thông chủ động chuyển, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả trước 01 buổi./.*